TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST Ngày: 20 - 10 - 2022 "V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Y Dhiễu HMok
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên toà: Ông Từ Quốc Quyền; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H L Kriêng, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Buôn K C, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Trần Công T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Buôn K C, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H L và anh T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn từ ngày 09 tháng 10 năm 2012, tại Uỷ ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc.

Sau khi về chung sống với nhau thì hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống thường xuyên cãi vã nhau chỉ vì những nguyên cớ, lý do nhỏ nhặt và hai vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị H L đề nghị Tòa án xem xét cho được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị H L và anh T có với nhau 01 người con chung là cháu: Kriêng Trần Phương V, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 hiện cháu đang ở với chị L. Nay ly hôn thì chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng:* Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Tlà bị đơn lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tiến hành hòa giải được đối với các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định theo Bộ luật Tố tụng tố dân sự tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án. Điều 191 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục nhận và xử lý Đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dụng: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị H L Kriêng với anh Trần Công T;

Về con chung: Giao con chung là cháu Kriêng Trần Phương V, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh Trần Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

Tại phiên toà, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H L khai nhận sau khi về chung sống với nhau thì hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống thường xuyên cãi vã nhau chỉ vì những nguyên cớ, lý do nhỏ nhặt và hai vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H L đề nghị Tòa án xem xét cho được ly hôn với anh T là có căn cứ để chấp nhận.

Mặc dù, không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 12 tháng 8 năm 2022 của chính quyền địa phương thể hiện: Chị H L với anh Trần Công T là vợ chồng với nhau có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại buôn K C, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình sinh sống tại địa phương thì không thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì lớn, nhưng hiện nay giữa anh T và chị L đang sống ly thân với nhau. Anh T thì đang sinh sống ở buôn K C, xã E, còn bà H L thì đang ở ở trọ tại B và không ở cùng nhà với nhau.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định do bất đồng quan điểm sống và không còn tình cảm với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị H L và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H L và anh T có 01 con chung là cháu Kriêng Trần Phương V, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013, hiện tại chị H L trực tiếp nuôi dưỡng và chị H L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu V cũng có nguyên vọng được ở với chị H L là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị H L Kriêng.

- Về hôn nhân: Chị H L Kriêng được ly hôn với anh Trần Công T.
- Về con chung: Giao cháu Kriêng Trần Phương V, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 cho chị H L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

Anh Trần Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung nên các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H L Kriêng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai số: AA/2021/0018018, ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã E, thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Bá Nhất